BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: P. V. Dũng Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	An	23/08/2003		6,5	Sáu Năm	C24CK1	
2	2210040031	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	09/04/2004		5,0	Năm	C24CK1	
3	2210040025	Nguyễn Thanh	Dủng	25/05/2004		4,5	Bốn Năm	C24CK1	
4	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	02/02/2004		4,5	Bốn Năm	C24CK1	
5	2210040021	Trần Anh	Đức	02/09/2004		8,5	Tám năm	C24CK1	
6	2210040033	Nguyễn Trường	Giang	01/10/2004		6,0	Sáu không	C24CK1	
7	2210040028	Phan Văn	Hậu	17/03/2004		5,0	Năm	C24CK1	
8	2210040032	Trần Trí	Huy	07/04/2004		7,0	Bảy không	C24CK1	
9	2210040022	Phạm Vĩnh	Hưng	05/12/2003		8,5	Tám năm	C24CK1	
10	2210040017	Trần Thanh	Khang	30/03/2004		6,0	Sáu	C24CK1	
11	2210040029	Võ Trường	Khang	02/09/2004		6,0	Sáu	C24CK1	
12	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	Khoa	28/10/2004		0	Không	C24CK1	VT
13	2210040005	Nguyễn Gia	Kỳ	29/01/2003		7,0	Bảy	C24CK1	
14	2210040030	Ngô Hoàng	Linh	09/06/2004		8,0	Tám	C24CK1	
15	2210040036	Nguyễn Nhật	Linh	07/11/2004		5,0	Năm không	C24CK1	
16	2210040010	Tô Hữu	Lợi	22/11/2003		7,5	Bảy Năm	C24CK1	
17	2210040012	Võ Hoàng	Nam	27/09/2004		8,0	Tám không	C24CK1	
18	2210040011	Nguyễn Trọng	Phúc	08/02/2004		5,5	Năm Năm	C24CK1	
19	2210040001	Võ Hoàng	Phúc	02/11/2003		7,0	Bảy không	C24CK1	
20	2210040056	Nguyễn Hữu	Tài	26/11/2004		5,5	Năm Năm	C24CK1	
21	2210040020	Nguyễn Quang	Tân	05/04/2004		8,0	Tám	C24CK1	
22	2210040016	Trần Quốc	Thái	28/02/2004		5,5	Năm Năm	C24CK1	
23	2210040015	Nguyễn Quốc	Thống	03/08/2004		5,0	Năm không	C24CK1	
24	2210040019	Võ Chí	Vĩnh	10/11/2004		8,5	Tám Năm	C24CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 23 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: P. V. Dung Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	An	23/08/2003		5.0	Năm Không	C24CK1	
2	2210040031	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	09/04/2004		8.3	Tám ba	C24CK1	
3	2210040025	Nguyễn Thanh	Dũng	25/05/2004		5.5	Năm Năm	C24CK1	
4	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	02/02/2004		5.5	Năm Năm	C24CK1	
5	2210040021	Trần Anh	Đức	02/09/2004		8.5	Tám năm	C24CK1	
6	2210040033	Nguyễn Trường	Giang	01/10/2004		7.0	Bảy Không	C24CK1	
7	2210040028	Phan Văn	Hậu	17/03/2004		5.5	Năm năm	C24CK1	
8	2210040032	Trần Trí	Huy	07/04/2004		5.0	Năm Không	C24CK1	
9	2210040022	Phạm Vĩnh	Hưng	05/12/2003		8.6	Tám Sáu	C24CK1	
10	2210040017	Trần Thanh	Khang	30/03/2004		6.0	Sáu	C24CK1	
11	2210040029	Võ Trường	Khang	02/09/2004		5.5	Năm năm	C24CK1	
12	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	Khoa	28/10/2004		2.0	Hai Không	C24CK1	
13	2210040005	Nguyễn Gia	Kỳ	29/01/2003		5.0	Năm	C24CK1	
14	2210040030	Ngô Hoàng	Linh	09/06/2004		5.6	Năm	C24CK1	
15	2210040036	Nguyễn Nhật	Linh	07/11/2004		6.5	Sáu Năm	C24CK1	
16	2210040010	Tô Hữu	Lợi	22/11/2003		8.0	Tám Không	C24CK1	
17	2210040012	Võ Hoàng	Nam	27/09/2004		6.0	Sáu Không	C24CK1	
18	2210040011	Nguyễn Trọng	Phúc	08/02/2004		6.0	Sáu Không	C24CK1	
19	2210040001	Võ Hoàng	Phúc	02/11/2003		5.0	Năm Không	C24CK1	
20	2210040056	Nguyễn Hữu	Tài	26/11/2004		5.5	Năm Năm	C24CK1	
21	2210040020	Nguyễn Quang	Tân	05/04/2004		8.6	Tám Sáu	C24CK1	
22	2210040016	Trần Quốc	Thái	28/02/2004		6.0	Sáu Không	C24CK1	
23	2210040015	Nguyễn Quốc	Thống	03/08/2004		5.0	Năm Không	C24CK1	
24	2210040019	Võ Chí	Vĩnh	10/11/2004		8.0	Tám Không	C24CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 24 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 96 **%**

Ngày 12 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040023	Bùi Quốc	**Huy**	14/01/2003		7,0	Bảy Không	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 01 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 17 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên: Hoa

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040023	Bùi Quốc	**Huy**	14/01/2003	Huy	5.0	Năm	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 01 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 17 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: P. V. Dũng Ký tên:

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	An	08/05/2004		8,5	Tám năm	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng	An	28/10/2004		8,5	Tám năm	C24CK2	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	Bình	17/12/2004		5,0	Năm	C24CK2	
4	2210040053	Phạm Quốc	Bình	24/11/2004		5,0	Năm không	C24CK2	
5	2210040039	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/05/2004		5,0	Năm không	C24CK2	
6	2210040041	Hoàng Ngọc	Dương	08/02/2004		7,5	Bảy năm	C24CK2	
7	2210040048	Lộc Hòa	Dương	12/03/2004		7,5	Bảy Năm	C24CK2	
8	2210040050	Lý Hoa	Đức	20/10/2004		7,0	Bảy không	C24CK2	
9	2210040045	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/03/2004		8,5	Tám năm	C24CK2	
10	2210040067	Trần Duy	Khang	19/06/2004		4,0	Bốn Không	C24CK2	
11	2210040062	Bùi Anh	Khoa	07/01/2004		5,0	Năm Không	C24CK2	
12	2210040065	Huỳnh Tấn	Khoa	18/11/2004		8,5	Tám năm	C24CK2	
13	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004		8,0	Tám Không	C24CK2	
14	2210040064	Mã Văn Hoài	Long	17/08/2004		5,0	Năm không	C24CK2	
15	2210040042	Trần Ngọc	Mẫn	20/10/2004		6,0	Sáu không	C24CK2	
16	2210040052	Nguyễn Hoàng	Minh	14/08/2004		8,0	Tám	C24CK2	
17	2210040044	Trần Hữu	Nghĩa	02/08/2004		8,5	Tám năm	C24CK2	
18	2210040049	Sok Quang	Nhật	15/09/2003		7,5	Bảy Năm	C24CK2	
19	2210040058	Hồ Văn	Phát	01/03/2004		8,2	Tám hai	C24CK2	
20	2210040063	Nguyễn Tài	Phước	10/06/2004		6,0	Sáu không	C24CK2	
21	2210040060	Hà Lê Thành	Tài	04/05/2004		3,0	Ba không	C24CK2	
22	2210040047	Chế Thành	Trung	21/02/2004		7,5	Bảy Năm	C24CK2	
23	2210040040	Phan Văn	Trường	19/12/2004		6,0	Sáu không	C24CK2	
24	2210040057	Lê Thanh	Tùng	04/11/2004		8,5	Tám năm	C24CK2	
25	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	Vinh	18/07/2004		6,0	Sáu không	C24CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 25 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 96 %

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CD BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: P. V. Dũng Ký tên:

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	An	08/05/2004		7.7	Bảy bảy	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng	An	28/10/2004		9,0	Chín	C24CK2	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	Bình	17/12/2004	Bình	6,5	Sáu năm	C24CK2	
4	2210040053	Phạm Quốc	Bình	24/11/2004		7.0	Bảy	C24CK2	
5	2210040039	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/05/2004		6.0	Sáu	C24CK2	
6	2210040041	Hoàng Ngọc	Dương	08/02/2004		7.0	Bảy	C24CK2	
7	2210040048	Lộc Hòa	Dương	12/03/2004	Dương	6.5	Sáu năm	C24CK2	
8	2210040050	Lý Hoa	Đức	20/10/2004		5.5	Năm năm	C24CK2	
9	2210040045	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/03/2004	Hiếu	7.5	Bảy năm	C24CK2	
10	2210040067	Trần Duy	Khang	19/06/2004		5.5	Năm năm	C24CK2	
11	2210040062	Bùi Anh	Khoa	07/01/2004	Khoa	7.0	Bảy	C24CK2	
12	2210040065	Huỳnh Tấn	Khoa	18/11/2004	Khoa	8,5	Tám năm	C24CK2	
13	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004	Khoa	5.0	Năm	C24CK2	
14	2210040064	Mã Văn Hoài	Long	17/08/2004	Long	5.0	Năm	C24CK2	
15	2210040042	Trần Ngọc	Mẫn	20/10/2004	Mẫn	5.0	Năm	C24CK2	
16	2210040052	Nguyễn Hoàng	Minh	14/08/2004		8.0	Tám	C24CK2	
17	2210040044	Trần Hữu	Nghĩa	02/08/2004		8.0	Tám	C24CK2	
18	2210040049	Sok Quang	Nhật	15/09/2003		8.0	Tám	C24CK2	
19	2210040058	Hồ Văn	Phát	01/03/2004		7.5	Bảy năm	C24CK2	
20	2210040063	Nguyễn Tài	Phước	10/06/2004	Phước	5.0	Năm	C24CK2	
21	2210040060	Hà Lê Thành	Tài	04/05/2004	Tài	6.5	Sáu năm	C24CK2	
22	2210040047	Chế Thành	Trung	21/02/2004		5.0	Năm	C24CK2	
23	2210040040	Phan Văn	Trường	19/12/2004	Trường	7.0	Bảy	C24CK2	
24	2210040057	Lê Thanh	Tùng	04/11/2004	Tùng	7.5	Bảy năm	C24CK2	
25	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	Vinh	18/07/2004		5.0	Năm	C24CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 25 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: T.V.Dũng Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004		-	-	C24CK2	VT

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 0 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 0 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 0,0 **%**

Ngày 14 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144 Giám thị 1: P. V. Dũng Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015) Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004		0	Không	C24CK2	VT

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 0 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 0 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:** 0 **%**

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: N T N Hà Ký tên:

Giám thị 2: P. V - Dũng Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004	Bảo	5,0	Năm không	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004	Bình	5,0	Năm	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004	Diễn	8,5	Tám năm	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003	Duy	7,0	Bảy không	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004	Dương	7,5	Bảy Năm	C24CK3	
6	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003	Đông	4,5	Bốn Năm	C24CK3	
7	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003	Đức	5,0	Năm	C24CK3	
8	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004	/	/	/	C24CK3	
9	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004	Hân	6,0	Sáu không	C24CK3	
10	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004	Khoa	4,5	Bốn Năm	C24CK3	
11	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/5/2004	Kiệt	4,5	Bốn Năm	C24CK3	
12	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004	Lộc	4,0	Bốn không	C24CK3	
13	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004	Phong	8,5	Tám năm	C24CK3	
14	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004	Phúc	4,0	Bốn không	C24CK3	
15	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004	Phúc	6,5	Sáu năm	C24CK3	
16	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003	Tài	5,0	Năm không	C24CK3	
17	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004	/	/	/	C24CK3	
18	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004	Trường	8,0	Tám không	C24CK3	
19	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004	Trực	4,5	Bốn Năm	C24CK3	
20	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004	Việt	7,0	Bảy	C24CK3	
21	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004	Vinh	4,5	Bốn Năm	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:** 19 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: N T M Hạ Ký tên:

Giám thị 2: P-V Dũng Ký tên:

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004		6.0	Sáu Không	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004		5,5	Năm năm	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004		7,2	Bảy hai	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003		5.5	Năm Năm	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004		5.0	Năm Không	C24CK3	
6	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003		5.5	Năm Năm	C24CK3	
7	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003		7,0	Bảy	C24CK3	
8	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004	/	/	/	C24CK3	
9	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004		8.0	Tám Không	C24CK3	
10	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004		5.5	Năm Năm	C24CK3	
11	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/5/2004		7.0	Bảy Không	C24CK3	
12	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004		6.0	Sáu Không	C24CK3	
13	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004		6,8	Sáu tám	C24CK3	
14	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004		5.5	Năm Năm	C24CK3	
15	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
16	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003		5.0	Năm Không	C24CK3	
17	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004	/	/	/	C24CK3	
18	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004		5.0	Năm Không	C24CK3	
19	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004		7.5	Bảy Năm	C24CK3	
20	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004		6,5	Sáu năm	C24CK3	
21	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004		6.5	Sáu Năm	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:** 19 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 19 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: L. V. Dũng Ký tên:

Giám thị 3:_____ Ký tên:

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040077	Bùi Si	**Đan**	03/10/2004		4,0	Bốn không	C24CK3	
2	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004		4,0	Bốn không	C24CK3	
3	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004		6,0	Sáu không	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 03 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 03 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 03 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ
PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

L2

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên: [signature]

Giám thị 2: P. V. Dũng Ký tên: [signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040077	Bùi Sỉ	**Đan**	03/10/2004	[signature]	6.0	Sáu không	C24CK3	
2	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004	[signature]	5.5	Năm Năm	C24CK3	
3	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004	[signature]	5.0	Năm Không	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 03 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 03 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 03 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 19 tháng 6 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 tháng 6 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144
Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng
Ngày thi: 12/2/2024 **Giờ thi:** 15h15 **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 2: N T N Hoa Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	**An**	23/08/2003			7.0	Bảy Không	C24CK1	
2	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003			3.0	Ba Không	C24CK3	
3	2210040025	Nguyễn Thanh	**Dủng**	25/05/2004			5.5	Năm Năm	C24CK1	
4	2210040048	Lộc Hòa	**Dương**	12/03/2004			3.0	Ba Không	C24CK2	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004			2.0	Hai Không	C24CK3	
6	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	**Đăng**	02/02/2004			3.0	Ba Không	C24CK1	
7	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003			5.0	Năm Không	C24CK3	
8	2210040050	Lý Hoa	**Đức**	20/10/2004			7.0	Bảy Không	C24CK2	
9	2210040033	Nguyễn Trường	**Giang**	01/10/2004			3.5	Ba Năm	C24CK1	
10	2210040032	Trần Trí	**Huy**	07/04/2004			2.0	Hai Không	C24CK1	
11	2210040067	Trần Duy	**Khang**	19/06/2004			6.0	Sáu Không	C24CK2	
12	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/5/2004			6.0	Sáu Không	C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 12 / 12 .
Số sinh viên đạt: 06 **Tỷ lệ đạt:** 50 **%**

Ngày 12 *tháng* 2 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 12 *tháng* 2 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

0

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144
Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng
Ngày thi: 12/7/2024 **Giờ thi:** 9h20 **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

Giám thị 1: P. V. Dũng Ký tên:
Giám thị 2: NTN. Hoa Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004			3.0	Ba Không	C24CK3	
2	2210040042	Trần Ngọc	**Mẫn**	20/10/2004			3.0	Ba Không	C24CK2	
3	2210040052	Nguyễn Hoàng	**Minh**	14/08/2004			5.0	Năm Không	C24CK2	
4	2210040063	Nguyễn Tài	**Phước**	10/06/2004			2.0	Hai Không	C24CK2	
5	2210040060	Hà Lê Thành	**Tài**	04/05/2004			5.5	Năm Năm	C24CK2	
6	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003			4.5	Bốn Năm	C24CK3	
7	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004			5.0	Năm Không	C24CK1	
8	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004			4.0	Bốn Không	C24CK1	
9	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004			4.0	Bốn Không	C24CK3	
10	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004			6.0	Sáu Không	C24CK2	
11	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004			6.0	Sáu Không	C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 11 / 11 .
Số sinh viên đạt: 08 **Tỷ lệ đạt:** 75 **%**

Ngày 12 tháng 7 năm 2024.
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 12 tháng 7 năm 2024.
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

0

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144
Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng
Ngày thi: 16/8/2024 **Giờ thi:** 15h15 **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

Giám thị 1: Phạm Văn Dũng Ký tên:
Giám thị 2: NT N Hoa Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004			3.5	Ba Năm	C24CK3	
2	2210040010	Tô Hữu	**Lợi**	22/11/2003			6.0	Sáu Không	C24CK1	
3	2210040012	Võ Hoàng	**Nam**	27/09/2004			7.5	Bảy Năm	C24CK1	
4	2210040049	Sok Quang	**Nhật**	15/09/2003			7.5	Bảy Năm	C24CK2	
5	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004			6.0	Sáu Không	C24CK3	
6	2210040011	Nguyễn Trọng	**Phúc**	08/02/2004			6.0	Sáu Không	C24CK1	
7	2210040001	Võ Hoàng	**Phúc**	02/11/2003			6.0	Sáu Không	C24CK1	
8	2210040056	Nguyễn Hữu	**Tài**	26/11/2004			6.0	Sáu Không	C24CK1	
9	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004			2.0	Hai Không	C24CK2	
10	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004			6.0	Sáu Không	C24CK2	
11	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004			5.5	Năm Năm	C24CK3	
12	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004			6.5	Sáu Năm	C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 12 / 12 .

Số sinh viên đạt: 10 **Tỷ lệ đạt:** 85 **%**

Ngày 16 *tháng* 8 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 16 *tháng* 8 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

0

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Giám thị 1 : NT N Hoa

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144
Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng
Ngày thi: 17/07/2024 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004	Bảo		5.0	Năm không	C24CK3	
2	2210040053	Phạm Quốc	**Bình**	24/11/2004	Bình		5.5	Năm Năm	C24CK2	
3	2210040039	Nguyễn Hoàng	**Dũng**	05/05/2004	Dũng		3.0	Ba không	C24CK2	
4	2210040077	Bùi Si	**Đan**	03/10/2004	Đan		2.0	Hai không	C24CK3	
5	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004	Hân		2.0	Hai không	C24CK3	
6	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004	Khải		5.0	Năm không	C24CK3	
7	2210040062	Bùi Anh	**Khoa**	07/01/2004	Khoa		4.0	Bốn không	C24CK2	
8	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	**Khoa**	15/09/2004	Khoa		7.0	Bảy không	C24CK2	
9	2210040036	Nguyễn Nhật	**Linh**	07/11/2004	Linh		2.0	Hai không	C24CK1	
10	2210040064	Mã Văn Hoài	**Long**	17/08/2004	Long		3.0	Ba không	C24CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 10 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 10 / 10 .
Số sinh viên đạt: 05 **Tỷ lệ đạt:** 50 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 tháng 7 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144
Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng
Ngày thi: 18/07/2024 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

Giám thị 1: P. V. Dũng Ký tên:
Giám thị 2: C. L. Sơn Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040017	Trần Thanh	**Khang**	30/03/2004	Khang		6,2	Sáu hai	C24CK1	
2	2210040029	Võ Trường	**Khang**	02/09/2004			6,0	Sáu	C24CK1	
3	2210040065	Huỳnh Tấn	**Khoa**	18/11/2004	Khoa		8,5	Tám năm	C24CK2	
4	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	**Khoa**	28/10/2004					C24CK1	VT
5	2210040005	Nguyễn Gia	**Kỳ**	29/01/2003			6,0	Sáu	C24CK1	
6	2210040030	Ngô Hoàng	**Linh**	09/06/2004	Linh		0,0	Không	C24CK1	
7	2210040044	Trần Hữu	**Nghĩa**	02/08/2004			8,5	Tám năm	C24CK2	
8	2210040058	Hồ Văn	**Phát**	01/03/2004			8,2	Tám hai	C24CK2	
9	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004	Phong		0,0	Không	C24CK3	
10	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004	Phúc		7,7	Bảy bảy	C24CK3	
11	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004	Tùng		8,2	Tám hai	C24CK2	
12	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004			7,0	Bảy	C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 **vắng thi:** _____. **Số bài thi/Số tờ:** 11 / _____.

Số sinh viên đạt: 10 **Tỷ lệ đạt:** 83 **%**

Ngày 18 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 18 tháng 7 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144 Giám thị 1: P. V. Dũng Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: N. T. N. Hòa Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 18/07/2024 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	**An**	08/05/2004		02	8,5	Tám năm	C24CK2	Bảy hai
2	2210040051	Trần Hoàng	**An**	28/10/2004		8,5	~~8,5~~	Bảy hai	C24CK2	Tám năm
3	2210040031	Nguyễn Văn Quốc	**Bảo**	09/04/2004			7,0	Bảy	C24CK1	
4	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	**Bình**	17/12/2004			6,5	Sáu năm	C24CK2	
5	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004			0,0	Không	C24CK3	
6	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004			8,0	Tám	C24CK3	
7	2210040041	Hoàng Ngọc	**Dương**	08/02/2004			7,5	Bảy, năm	C24CK2	
8	2210040021	Trần Anh	**Đức**	02/09/2004			~~8,0~~	Tám năm	C24CK1	
9	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003			7,0	Bảy	C24CK3	
10	2210040028	Phan Văn	**Hậu**	17/03/2004			7,2	Bảy hai	C24CK1	
11	2210040045	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	11/03/2004			8,0	Tám	C24CK2	
12	2210040022	Phạm Vĩnh	**Hưng**	05/12/2003			8,2	Tám hai	C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 12 / _____ .

Số sinh viên đạt: 11 **Tỷ lệ đạt:** 91 **%**

Ngày 18 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 18 tháng 7 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144
Mã lớp học phần: MH110214401 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng - (07015)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: T. V. Dũng Ký tên:
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040020	Nguyễn Quang	Tân	05/04/2004	Tân		0.6	Không	C24CK1	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 01 / _____ .
Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / 01 **Tỷ lệ đạt:** ,0 **%**

Ngày 18 *tháng* 7 *năm* 2024 .
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 18 *tháng* 7 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng